

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Số: 434 CV/VNECO8  
(V/v: Công bố thông tin  
Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đăk Lăk, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 14, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 thực hiện công bố thông tin BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2023 với UBCKNN và SGDCK Hà Nội như sau:

1. Tên công ty: Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8

- Mã chứng khoán: VE8

- Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ - Thành phố Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đăk Lăk

- Điện Thoại: (02623)815336 Fax: (02623)858921

- Địa chỉ Website: <http://vneco8.com.vn>

2. BCTC 6 tháng đầu năm 2023

- BCTC 6 tháng đầu năm 2023.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại Khoản 4, Điều 14, Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên.

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có.

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có.

Có

Không

3. Các giao dịch mua lại doanh nghiệp, bán tài sản (các giao dịch này làm thay đổi hoặc có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tổng tài sản trở lên trong thời gian từ tháng 01/2023 đến thời điểm này nếu có): Không có

- Nội dung giao dịch:

- Đối tác giao dịch:

- Tỷ lệ giao dịch (giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp căn cứ trên BCTC năm gần nhất):

- Ngày hoàn thành giao dịch:

**Tài liệu kèm theo:**

- Báo cáo tài chính 6 tháng 2023.

**Nơi nhận:**

- Như trên;  
- Lưu TCKT.

**CÔNG TY CP XD ĐIỆN VNECO 8  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



**Nguyễn Hữu Đăng**

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

M.S.D.A.

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 37

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Văn Khôi	Chủ tịch
Ông Nguyễn Công Diệu	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hóa	Ủy viên

**Ban kiểm soát**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Quang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Bích Hương	Thành viên
Ông Trần Ngọc Báo	Thành viên

**Ban Giám đốc**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Công Diệu	Giám đốc
Ông Đỗ Chiến Thắng	Phó Giám đốc
Ông Đặng Phương	Phó Giám đốc

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Lê Văn Khôi, Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Công Diệu, Giám đốc.

**TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: [www.ecovis.com/vietnam/audit](http://www.ecovis.com/vietnam/audit)).

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc



**Nguyễn Công Diệu**  
Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Số: 339/2023/BCSX-E.AFA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

***Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc***

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

***Kết luận của kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Phạm Quang Trung**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1334-2023-240-1

**Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**  
Đà Nẵng, ngày 14 tháng 08 năm 2023

*Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

11/07/2023



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Mẫu số B 01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>144.082.554.022</b>	<b>193.295.083.203</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.994.307.122</b>	<b>4.980.064.544</b>
1. Tiền	111	4.1	1.994.307.122	4.980.064.544
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>11.527.784.190</b>	<b>11.527.784.190</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	11.527.784.190	11.527.784.190
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>82.096.723.783</b>	<b>135.075.502.840</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	63.102.756.189	115.273.095.232
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.5	15.420.001.555	15.175.043.220
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	4.936.075.248	5.989.473.597
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(1.362.109.209)	(1.362.109.209)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>48.048.296.630</b>	<b>41.690.867.440</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.7	48.048.296.630	41.690.867.440
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>415.442.297</b>	<b>20.864.189</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	12.413.950	17.853.253
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		403.028.347	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	-	3.010.936
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.674.729.709</b>	<b>7.693.150.885</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.131.448.554</b>	<b>6.871.198.352</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	4.873.971.554	5.613.721.352
Nguyên giá	222		25.977.115.792	25.977.115.792
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.103.144.238)	(20.363.394.440)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	1.257.477.000	1.257.477.000
Nguyên giá	228		1.287.477.000	1.287.477.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(30.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>82.045.872</b>	<b>82.045.872</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	82.045.872	82.045.872
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>461.235.283</b>	<b>739.906.661</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	461.235.283	739.906.661
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>150.757.283.731</b>	<b>200.988.234.088</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Mẫu số B 01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>140.513.958.774</b>	<b>188.069.290.246</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>139.792.160.954</b>	<b>187.049.664.147</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	5.786.932.561	75.884.055.050
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	44.481.943.149	11.666.261.711
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	473.743.603	353.062.382
4. Phải trả người lao động	314		1.500.490.730	2.714.416.493
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	309.265.994	363.581.098
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	10.271.986.703	18.715.489.199
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	76.966.500.000	77.351.500.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.298.214	1.298.214
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>721.797.820</b>	<b>1.019.626.099</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.12	721.797.820	987.626.099
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	-	32.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>10.243.324.957</b>	<b>12.918.943.842</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.18</b>	<b>10.243.324.957</b>	<b>12.918.943.842</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.000.000.000	18.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		509.956.126	509.956.126
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.266.631.169)	(5.591.012.284)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(5.591.012.284)	1.193.147.941
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.675.618.885)	(6.784.160.225)
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>150.757.283.731</b>	<b>200.988.234.088</b>

Nguyễn Công Diệu

Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Nguyễn Hữu Đăng  
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Đăng  
Người lập biểu

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**Mẫu B 02a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	24.621.900.833	78.043.526.363
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		24.621.900.833	78.043.526.363
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	22.992.159.916	76.585.852.115
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.629.740.917	1.457.674.248
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	274.949.752	173.688.140
7. Chi phí tài chính	22	5.4	2.781.366.589	2.684.923.225
Trong đó, chi phí lãi vay	23		2.781.366.589	2.684.923.225
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	-	7.116.881
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	1.734.774.608	1.783.553.663
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.611.450.528)	(2.844.231.381)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	5.7	64.168.357	184.831.261
13. Lợi nhuận khác	40		(64.168.357)	(184.831.261)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.675.618.885)	(3.029.062.642)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.675.618.885)	(3.029.062.642)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.4	(1.486)	(1.683)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.5	(1.486)	(1.683)

Nguyễn Công Diệu

Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Nguyễn Hữu Đăng

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Đăng

Người lập biểu

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Mẫu B 03a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		101.881.919.452	195.414.117.251
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(92.474.957.808)	(194.517.812.756)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.582.791.995)	(5.137.386.785)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2.634.661.109)	(2.711.418.758)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.684.755.214	16.796.898.400
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.739.135.886)	(16.252.490.456)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(2.864.872.132)</b>	<b>(6.408.093.104)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		296.114.710	215.434.859
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>296.114.710</b>	<b>215.434.859</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	50.989.000.000	72.790.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(51.406.000.000)	(66.464.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(417.000.000)</b>	<b>6.326.000.000</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(2.985.757.422)</b>	<b>133.341.755</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.980.064.544	3.060.943.277
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>		<b>1.994.307.122</b>	<b>3.194.285.032</b>

Nguyễn Công Diệu

Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Nguyễn Hữu Đăng

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Đăng

Người lập biểu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Xây lắp điện Tây Nguyên thuộc Công ty Xây lắp điện 3, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện 3.8 theo Quyết định số 132/2003/QĐ-BCN ngày 07/08/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và được đổi tên thành Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 từ ngày 19/01/2006 theo Quyết định số 60-QĐ/XLĐ3.8-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng điện 3.8. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4003000031 ngày 19 tháng 11 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 06 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 02 tháng 04 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 6000442866.

Công ty đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu niêm yết trên thị trường tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 258/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 07 năm 2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VE8. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán VE8 là ngày 24 tháng 07 năm 2012 (theo sự chấp thuận của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Giấy chứng nhận niêm yết cổ phiếu ngày 24/07/2012).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 18.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 50 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 62).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Xây lắp.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình điện  
Chi tiết: Xây dựng công trình điện, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500KV;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao  
Chi tiết: Sản xuất cột điện bê tông ly tâm dự ứng lực, các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác  
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;  
Chi tiết: Bán buôn xi măng: gạch xây, ngói, đá, cát sỏi; gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh; Hàng trang trí nội – ngoại thất.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2023 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Khu công nghiệp Tâm Thắng, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

**2.3. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3.3. Đầu tư tài chính**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

**3.4. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b><u>Năm 2023</u></b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 16 năm
▪ Máy móc, thiết bị	5 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được trình bày theo phương pháp giá gốc là giá trị quyền sử dụng đất tại số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.10. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.11. Chi phí đi vay**

***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.12. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả là chi phí lãi vay được ước tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán dựa trên gốc vay và lãi suất vay.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Chi phí phải trả cho các công trình là chi phí nhân công, vật liệu, máy thi công được ước tính dựa trên phiếu giá thanh toán từng dự án hạng mục của Công ty và nhà thầu xây lắp hoặc đơn vị thi công.

**3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.14. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.15 dưới đây.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.15. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

**3.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay.

**3.18. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí đóng gói, vận chuyển và các chi phí mua ngoài khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.19. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.22. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7 trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**3.23. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	3.623.512	346.458.955
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.990.683.610	4.633.605.589
<b>Cộng</b>	<b>1.994.307.122</b>	<b>4.980.064.544</b>

**4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4	11.527.784.190	11.527.784.190	11.527.784.190	11.527.784.190
<b>Cộng</b>	<b>11.527.784.190</b>	<b>11.527.784.190</b>	<b>11.527.784.190</b>	<b>11.527.784.190</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.22. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7 trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**3.23. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	3.623.512	346.458.955
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.990.683.610	4.633.605.589
<b>Cộng</b>	<b>1.994.307.122</b>	<b>4.980.064.544</b>

**4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4	11.527.784.190	11.527.784.190	11.527.784.190	11.527.784.190
<b>Cộng</b>	<b>11.527.784.190</b>	<b>11.527.784.190</b>	<b>11.527.784.190</b>	<b>11.527.784.190</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 theo 6 Hợp đồng Tiền gửi có kỳ hạn:

- Hợp đồng số 908/2021/7709 ngày 23/03/2021 với số tiền 777.784.190 VND, kỳ hạn 06 tháng (từ ngày 23/03/2023 đến ngày 23/09/2023) và lãi suất 5,5 %/năm;
- Hợp đồng số 908/2021/8542 ngày 30/03/2021 với số tiền 2.200.000.000 VND, kỳ hạn 06 tháng (từ ngày 30/03/2023 đến ngày 30/09/2023) và lãi suất 5,5 %/năm;
- Hợp đồng số 908/2021/10076 ngày 12/04/2021 với số tiền 1.000.000.000 VND, kỳ hạn 06 tháng (từ ngày 12/04/2023 đến ngày 12/10/2023) và lãi suất 5,5 %/năm;
- Hợp đồng số 908/2021/16250 ngày 31/05/2021 với số tiền 5.000.000.000 VND, kỳ hạn 06 tháng (từ ngày 31/05/2023 đến ngày 30/11/2023) và lãi suất 5,2 %/năm;
- Hợp đồng số 908/2021/16795 ngày 04/06/2021 với số tiền 750.000.000 VND, kỳ hạn 06 tháng (từ ngày 04/06/2023 đến ngày 04/12/2023) và lãi suất 5,2 %/năm;
- Hợp đồng số 908/2021/17414 ngày 10/06/2021 với số tiền 1.800.000.000 VND, kỳ hạn 06 tháng (từ ngày 10/06/2023 đến ngày 10/12/2023) và lãi suất 5,2 %/năm.

Tổng giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng cầm cố, thế chấp, bảo đảm cho các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ là 11.527.784.190 VND.

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty CP SX - KD Thép Thăng Lợi	19.561.361.371	52.607.396.424
Công ty TNHH ECOPLASTICS SOLUTIONS	18.595.771.229	26.595.771.229
Công ty Cổ phần dịch vụ Đầu tư Cát Tường	18.252.839.513	18.252.839.513
Khách hàng khác	6.692.784.076	17.817.088.066
<b>Cộng</b>	<b>63.102.756.189</b>	<b>115.273.095.232</b>
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	23.760.000	23.760.000

**4.4. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.362.109.209	-	1.362.109.209	-
<b>Cộng</b>	<b>1.362.109.209</b>	<b>-</b>	<b>1.362.109.209</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	372.167.609	-	Trên 3 năm	372.167.609	-	Trên 3 năm
Công ty CP Vận tải Vạn Xuân	979.941.600	-	Trên 3 năm	979.941.600	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV XD điện 3.5 Quảng Trị	10.000.000	-	Trên 3 năm	10.000.000	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>1.362.109.209</b>	<b>-</b>		<b>1.362.109.209</b>	<b>-</b>	

**4.5. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Sao Thái Sơn	12.924.613.022	12.924.613.022
Công ty TNHH Xây dựng điện miền Tây Cao Bằng	814.922.349	814.922.349
Các đối tượng khác	1.680.466.184	1.435.507.849
<b>Cộng</b>	<b>15.420.001.555</b>	<b>15.175.043.220</b>

**4.6. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	21.164.958	-
Tạm ứng	4.717.450.248	-	5.749.683.639	-
Tiền đền bù Công trình ĐZ 220KV Phan Thiết - Phú Mỹ 2	53.356.000	-	53.356.000	-
Tiền đền bù Công trình ĐZ 220KV Duyên Hải - Mỹ Tho	49.867.200	-	49.867.200	-
Tiền đền bù Công trình ĐZ Trạm biến áp 500 KV Đức Hòa	100.000.000	-	100.000.000	-
Tiền đền bù Công trình ĐZ 110KV Krong buk - Buôn Ma Thuột	15.401.800	-	15.401.800	-
<b>Cộng</b>	<b>4.936.075.248</b>	<b>-</b>	<b>5.989.473.597</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.926.402.068	-	2.466.024.697	-
Công cụ dụng cụ	67.200.000	-	67.200.000	-
Chi phí SXKD dở dang	44.289.800.475	-	36.927.230.449	-
- Chi phí SXKD dở dang công trình xây dựng	44.289.800.475	-	36.927.230.449	-
Thành phẩm	1.764.894.087	-	2.230.412.294	-
<b>Cộng</b>	<b>48.048.296.630</b>	<b>-</b>	<b>41.690.867.440</b>	<b>-</b>

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ.

**4.8. Chi phí trả trước**

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Phí bảo hiểm xe	12.413.950	17.853.253
<b>Cộng</b>	<b>12.413.950</b>	<b>17.853.253</b>
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	216.437.594	410.077.579
Lãi mua hàng trả chậm	173.171.053	245.208.007
Chi phí sửa chữa TSCĐ	71.626.636	84.621.075
<b>Cộng</b>	<b>461.235.283</b>	<b>739.906.661</b>



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	9.798.041.850	10.336.819.580	5.784.163.452	58.090.910	25.977.115.792
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>9.798.041.850</b>	<b>10.336.819.580</b>	<b>5.784.163.452</b>	<b>58.090.910</b>	<b>25.977.115.792</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	8.492.896.410	7.844.594.447	3.967.812.673	58.090.910	20.363.394.440
Khấu hao trong kỳ	241.769.934	189.603.538	308.376.326	-	739.749.798
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>8.734.666.344</b>	<b>8.034.197.985</b>	<b>4.276.188.999</b>	<b>58.090.910</b>	<b>21.103.144.238</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	1.305.145.440	2.492.225.133	1.816.350.779	-	5.613.721.352
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>1.063.375.506</b>	<b>2.302.621.595</b>	<b>1.507.974.453</b>	<b>-</b>	<b>4.873.971.554</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 2.173.238.550 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.982.721.397 VND.

**4.10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	1.257.477.000	30.000.000	1.287.477.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>1.257.477.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>1.287.477.000</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	-	30.000.000	30.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>-</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	1.257.477.000	-	1.257.477.000
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>1.257.477.000</b>	<b>-</b>	<b>1.257.477.000</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 1.257.477.000 VND.

Không có TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

(\*) Quyền sử dụng đất tại số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam theo Giấy chứng nhận QSD đất số 276134 QSD/ATM ngày 15/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột.

**4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Xây dựng, cải tạo các công trình tại số 09 Võ Văn Kiệt	82.045.872	82.045.872
<b>Cộng</b>	<b>82.045.872</b>	<b>82.045.872</b>

**4.12. Phải trả người bán**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	579.096.017	579.096.017	569.086.850	569.086.850
Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE	413.771.610	413.771.610	67.997.666.433	67.997.666.433
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hoàng Lâm	783.510.529	783.510.529	813.510.529	813.510.529
Công ty TNHH Đồng Vĩnh Thịnh	651.160.028	651.160.028	671.160.028	671.160.028
Các đối tượng khác	3.359.394.377	3.359.394.377	5.832.631.210	5.832.631.210
<b>Cộng</b>	<b>5.786.932.561</b>	<b>5.786.932.561</b>	<b>75.884.055.050</b>	<b>75.884.055.050</b>
<b>Dài hạn</b>				
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	721.797.820	721.797.820	987.626.099	987.626.099
<b>Cộng</b>	<b>721.797.820</b>	<b>721.797.820</b>	<b>987.626.099</b>	<b>987.626.099</b>
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	1.646.252.380	1.646.252.380	1.607.747.924	1.607.747.924

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Malblue	32.240.999.965	-
Tổng công ty CP xây dựng điện Việt Nam	3.366.691.866	2.204.966.712
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	3.398.446.935	4.773.967.836
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	1.500.000.000	1.500.000.000
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	1.696.140.892	1.696.140.892
Điện lực Đắk Lắk	1.570.642.114	1.307.012.020
Các đối tượng khác	709.021.377	184.174.251
<b>Cộng</b>	<b>44.481.943.149</b>	<b>11.666.261.711</b>
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	35.607.691.831	2.204.966.712

**4.14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	246.074.265	2.204.021.197	2.204.021.197	-	246.074.265
Thuế TNCN	-	41.458.614	-	-	-	41.458.614
Thuế TNDN	-	46.707.885	-	-	-	46.707.885
Tiền thuê đất	-	120.681.221	123.692.157	-	3.010.936	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	18.821.618	5.391.614	5.391.614	-	18.821.618
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>473.743.603</b>	<b>2.337.104.968</b>	<b>2.213.412.811</b>	<b>3.010.936</b>	<b>353.062.382</b>

**4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Chi phí lãi vay phải trả	168.001.039	93.332.513
Chi phí thuê đất	140.318.193	270.248.585
Chi phí khác	946.762	-
<b>Cộng</b>	<b>309.265.994</b>	<b>363.581.098</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.16. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
BH Y tế, BH Xã hội, BH Thất nghiệp	2.374.110.800	1.840.322.650
Kinh phí, Đoàn phí công đoàn	130.725.469	116.619.469
Thủ lao HĐQT, BKS, thư ký Công ty	-	109.800.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.351.025	2.351.025
Phải trả về tạm ứng	6.226.218.174	3.171.105.432
<i>Phan Thanh Hoàng</i>	1.607.252.926	-
<i>Trần Ngọc Bái</i>	1.601.986.895	-
<i>Lê Ngọc Thanh</i>	512.783.977	592.783.977
<i>Võ Hữu Tâm</i>	434.215.443	342.819.759
<i>Nguyễn Tuấn Anh</i>	344.981.576	390.278.868
<i>Đoàn Ngọc</i>	302.593.276	444.469.276
<i>Các đối tượng khác</i>	1.422.404.081	1.400.753.552
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	1.401.161.037	1.110.539.925
Công ty Cổ Phần MALBLUE	-	12.330.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	137.420.198	34.750.698
<b>Cộng</b>	<b>10.271.986.703</b>	<b>18.715.489.199</b>
Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan	1.429.086.735	13.468.465.623
- Xem thêm mục 8		

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.17. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 30/06/2023		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	76.870.500.000	76.870.500.000	50.989.000.000	51.342.000.000	77.223.500.000	77.223.500.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	24.568.000.000	24.568.000.000	7.150.000.000	9.032.000.000	26.450.000.000	26.450.000.000
Vay cá nhân	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần MALBLUE	6.602.500.000	6.602.500.000	3.839.000.000	2.310.000.000	5.073.500.000	5.073.500.000
	5.700.000.000	5.700.000.000	-	-	5.700.000.000	5.700.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	96.000.000	96.000.000	32.000.000	64.000.000	128.000.000	128.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	96.000.000	96.000.000	32.000.000	64.000.000	128.000.000	128.000.000
<b>Cộng</b>	<b>76.966.500.000</b>	<b>76.966.500.000</b>	<b>51.021.000.000</b>	<b>51.406.000.000</b>	<b>77.351.500.000</b>	<b>77.351.500.000</b>
Vay dài hạn	-	-	-	32.000.000	32.000.000	32.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	-	32.000.000	32.000.000	32.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>32.000.000</b>	<b>32.000.000</b>	<b>32.000.000</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần MALBLUE	5.700.000.000	5.700.000.000
<b>Cộng - Xem thêm mục 8</b>	<b>5.700.000.000</b>	<b>5.700.000.000</b>

Các khoản Vay ngắn hạn:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/717952/HDTD ngày 31/05/2022 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk:
  - + Hạn mức: 60.000.000.000 VND, trong đó: hạn mức cho vay ngắn hạn là 30.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh, mở L/C là 30.000.000.000 VND;
  - + Thời hạn cấp hạn mức: đến hết ngày 31/05/2023;
  - + Mục đích: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh, mở L/C;
  - + Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng thế chấp số 01/2018/717952/HDDDB ngày 05/06/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung ngày 02/06/2021.

Công ty có các khoản nợ gốc đã quá hạn số tiền 9.418.000.000 VND nhưng chưa thực hiện gia hạn với ngân hàng.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HDCVHM/NHCT908-VNECO8 ngày 12/05/2022 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh:
  - + Hạn mức: 40.000.000.000 VND;
  - + Thời hạn cho vay: từ ngày 12/05/2022 đến ngày 12/05/2023;
  - + Mục đích: Tài trợ vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty;
  - + Lãi suất cho vay: ghi trên từng giấy nhận nợ;
  - + Biện pháp đảm bảo: Các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng.

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

- Chi tiết các khoản vay cá nhân:

STT	Vay cá nhân	Số hợp đồng vay	Lãi suất/ năm	Số dư tại ngày 30/06/2023	Mục đích vay
1	Biện Thị Tuyết	11/HĐVV/VE8	12%	500.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
		134/HĐVV/VE8	0%	300.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
2	Nguyễn Ngọc Hoành	83/HĐVV- VE8	12%	200.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
3	Phạm Thị Vân	40/HĐVV- VE8	0%	80.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
		03/HĐVV- VE8	0%	340.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
		05/HĐVV- VE8	0%	300.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
		06/HĐVV- VE8	0%	650.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
		20/HĐVV- VE8	0%	200.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
		26/HĐVV- VE8	0%	150.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
		27/HĐVV- VE8	0%	300.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
		58/HĐVV- VE8	0%	223.500.000	Thu xếp vốn kinh doanh
		03/HĐVV- VE8	0%	800.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
		08/HĐVV- VE8	0%	590.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
4	Nguyễn Tuấn Anh	02/HĐVV/VE8	0%	480.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
		15/HĐVV/VE8	0%	939.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
5	Phan Thanh Hoàng	04/HĐVV/VE8	12%	300.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
6	Nguyễn Văn Lộc	10/HĐVV- VE8	15%	250.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
<b>Tổng cộng</b>				<b>6.602.500.000</b>	

Các khoản Vay dài hạn:

- Hợp đồng số 01/2019/717952/HĐTD ngày 28/01/2019 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk, số tiền 945.000.000 VND. Mục đích vay: Mua xe ô tô tải có cần cầu Xe ô tô tải có cần cầu mới 100% nhãn hiệu MAZ. Thời hạn thanh toán là 60 tháng (đến hết ngày 28/01/2024). Lãi suất cho vay 10,5%/năm. Biện pháp đảm bảo theo hợp đồng đảm bảo số 01/2019/717952/HĐBD ngày 28/01/2019 là tài sản mua sắm từ khoản vay.

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2022	18.000.000.000	509.956.126	1.193.147.941	19.703.104.067
Lỗ trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	(3.029.062.642)	(3.029.062.642)
Số dư tại ngày 30/06/2022	-	-	(1.835.914.701)	(1.835.914.701)
Lỗ trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	(3.755.097.583)	(3.755.097.583)
Số dư tại ngày 01/01/2023	18.000.000.000	509.956.126	(5.591.012.284)	12.918.943.842
Lỗ trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	(2.675.618.885)	(2.675.618.885)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>509.956.126</b>	<b>(8.266.631.169)</b>	<b>10.243.324.957</b>

**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	10.068.090.000	10.068.090.000
Các cổ đông khác	7.931.910.000	7.931.910.000
<b>Cộng</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>

**4.18.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.18.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi/lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty	(2.675.618.885)	(3.029.062.642)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.675.618.885)	(3.029.062.642)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	1.800.000	1.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.486)</b>	<b>(1.683)</b>

**4.18.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi/lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty	(2.675.618.885)	(3.029.062.642)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi/lỗ để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(2.675.618.885)	(3.029.062.642)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.800.000	1.800.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(1.486)</b>	<b>(1.683)</b>

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 0237NQ/VNECO8-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty từ 18 tỷ đồng lên 36 tỷ đồng. Hình thức phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ: phát hành riêng lẻ, trong đó ưu tiên cho cổ đông lớn là VNECO, một số đối tác, tổ chức. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa triển khai việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ này.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thương mại	17.783.055.791	54.683.596.417
Doanh thu bán thành phẩm	696.760.910	1.244.874.814
Doanh thu hợp đồng xây lắp	6.033.915.223	22.014.898.338
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	108.168.909	100.156.794
<b>Cộng</b>	<b>24.621.900.833</b>	<b>78.043.526.363</b>
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	10.029	5.014.698.202

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn thương mại	17.728.277.433	54.474.353.596
Giá vốn bán thành phẩm	831.710.641	926.883.495
Giá vốn hợp đồng xây lắp	4.365.138.021	21.085.032.111
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	67.033.821	99.582.913
<b>Cộng</b>	<b>22.992.159.916</b>	<b>76.585.852.115</b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	274.949.752	173.688.140
<b>Cộng</b>	<b>274.949.752</b>	<b>173.688.140</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	2.781.366.589	2.684.923.225
<b>Cộng</b>	<b>2.781.366.589</b>	<b>2.684.923.225</b>

**5.5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí vật liệu, bao bì	-	7.116.881
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>7.116.881</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

## 5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	1.304.081.208	1.261.049.661
Chi phí đồ dùng văn phòng	43.618.333	42.170.935
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	27.003.360
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	6.677.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.729.404	111.247.597
Chi phí bằng tiền khác	299.345.663	335.404.790
<b>Cộng</b>	<b>1.734.774.608</b>	<b>1.783.553.663</b>

## 5.7. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản bị phạt hành chính	64.168.357	30.449.423
Chi phí khác	-	154.381.838
<b>Cộng</b>	<b>64.168.357</b>	<b>184.831.261</b>

## 5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	(2.675.618.885)	(3.029.062.642)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.380.170.362	2.558.132.522
- Tiền phạt vi phạm hành chính	64.168.357	30.449.423
- Chi phí lãi vay không được trừ	2.316.002.005	2.373.301.261
- Chi phí không được trừ khác	-	154.381.838
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(295.448.523)	(470.930.120)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.903.070.134	11.621.383.286
Chi phí nhân công	3.010.151.359	4.307.859.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	739.749.798	792.775.709
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.739.265.085	7.211.904.902
Chi phí khác bằng tiền	503.472.534	1.140.386.535
<b>Cộng</b>	<b>13.895.708.910</b>	<b>25.074.309.884</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	50.989.000.000	72.790.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.989.000.000</b>	<b>72.790.000.000</b>

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	51.406.000.000	66.464.000.000
<b>Cộng</b>	<b>51.406.000.000</b>	<b>66.464.000.000</b>

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Hoạt động xây lắp;
- Hoạt động bán hàng;
- Hoạt động thương mại;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

	Hoạt động xây lắp		Hoạt động bán hàng		Hoạt động cung cấp dịch vụ		Hoạt động thương mại		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	6.033.915.223	22.014.898.338	696.760.910	1.244.874.814	108.168.909	100.156.794	17.783.055.791	54.683.596.417	24.621.900.833	78.043.526.363
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.033.915.223</b>	<b>22.014.898.338</b>	<b>696.760.910</b>	<b>1.244.874.814</b>	<b>108.168.909</b>	<b>100.156.794</b>	<b>17.783.055.791</b>	<b>54.683.596.417</b>	<b>24.621.900.833</b>	<b>78.043.526.363</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>										
Chi phí bộ phận										
+ Giá vốn	4.365.138.021	21.085.032.111	831.710.641	926.883.495	67.033.821	99.582.913	17.728.277.433	54.474.353.596	22.992.159.916	76.585.852.115
+ Chi phí khác phân bổ	425.128.953	505.121.076	49.091.382	28.563.044	7.621.210	2.298.049	1.252.933.063	1.254.688.376	1.734.774.608	1.790.670.544
LN từ hoạt động kinh doanh	1.243.648.249	424.745.151	(184.041.113)	289.428.275	33.513.878	(1.724.168)	(1.198.154.705)	(1.045.445.555)	(105.033.691)	(332.996.296)
Doanh thu, Chi phí không phân bổ										
+ Doanh thu tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	274.949.752	173.688.140
+ Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	2.781.366.589	2.684.923.225
+ Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	-	64.168.357	184.831.261
+ Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.675.618.885)	(3.029.062.642)
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>									<b>(2.675.618.885)</b>	<b>(3.029.062.642)</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thông tin khác	Hoạt động xây lắp		Hoạt động bán hàng		Hoạt động cung cấp dịch vụ khác		Hoạt động thương mại		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tài sản của bộ phận	36.945.828.541	56.695.740.784	4.266.286.178	3.205.969.825	662.321.199	257.937.309	108.886.138.751	140.828.586.170	150.760.574.668	200.988.234.088
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>36.945.828.541</b>	<b>56.695.740.784</b>	<b>4.266.286.178</b>	<b>3.205.969.825</b>	<b>662.321.199</b>	<b>257.937.309</b>	<b>108.886.138.751</b>	<b>140.828.586.170</b>	<b>150.760.574.668</b>	<b>200.988.234.088</b>
Nợ phải trả của bộ phận	34.435.569.288	53.051.502.132	3.976.416.258	2.999.899.333	617.320.235	241.357.843	101.487.943.931	131.776.530.937	140.517.249.711	188.069.290.246
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>34.435.569.288</b>	<b>53.051.502.132</b>	<b>3.976.416.258</b>	<b>2.999.899.333</b>	<b>617.320.235</b>	<b>241.357.843</b>	<b>101.487.943.931</b>	<b>131.776.530.937</b>	<b>140.517.249.711</b>	<b>188.069.290.246</b>
Các thông tin khác										
Chi phí mua sắm TSCĐ	181.285.255	223.630.036	20.933.751	12.645.591	3.249.868	1.017.405	534.280.924	555.482.677	739.749.798	792.775.709
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

1. Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2. Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10
3. Công ty Cổ phần VNECO - RME
4. Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12
5. Công ty Cổ phần Malblue
6. HĐQT và Ban Giám đốc

**Mối quan hệ**

- Công ty mẹ  
 Công ty liên kết với Công ty mẹ  
 Công ty cùng công ty mẹ  
 Công ty cùng công ty mẹ  
 Cùng Chủ tịch HĐQT với Công ty mẹ  
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty CP xây dựng điện VNECO 12	23.760.000	23.760.000
<b>Cộng - xem thêm mục 4.3</b>	<b>23.760.000</b>	<b>23.760.000</b>

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Phải trả người bán</b>		
<b>Ngắn hạn</b>		
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	579.096.017	569.086.850
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	51.034.975	51.034.975
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	294.323.568	-
<b>Dài hạn</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	721.797.820	987.626.099
<b>Cộng - xem thêm mục 4.12</b>	<b>1.646.252.380</b>	<b>1.607.747.924</b>

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	3.366.691.866	2.204.966.712
Công ty Cổ phần Malblue	32.240.999.965	-
<b>Cộng - xem thêm mục 4.13</b>	<b>35.607.691.831</b>	<b>2.204.966.712</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	1.401.161.037	1.110.539.925
Công ty Cổ phần Malblue	-	12.330.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	27.925.698	27.925.698
<b>Cộng - xem thêm mục 4.16</b>	<b>1.429.086.735</b>	<b>13.468.465.623</b>
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>		
Công ty Cổ phần Malblue	5.700.000.000	5.700.000.000
<b>Cộng - xem thêm mục 4.17</b>	<b>5.700.000.000</b>	<b>5.700.000.000</b>
Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	10.029	5.014.698.202
<b>Cộng - xem thêm mục 5.1</b>	<b>10.029</b>	<b>5.014.698.202</b>
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	267.566.880	-
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	45.900.000	48.500.000
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Thanh toán lãi thu xếp vốn</b>		
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	72.036.954	97.105.263



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Văn Khôi	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Công Diệu	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Hóa	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Võ Quang	Trưởng BKS	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Hương	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Ông Trần Ngọc Báu	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các nhân viên quản lý chủ chốt khác:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Công Diệu	Giám đốc	66.201.989	102.207.850
Ông Đỗ Chiến Thắng	Phó Giám đốc	43.871.429	64.453.078
Ông Đặng Phương	Phó Giám đốc	45.063.720	64.624.725
Bà Nguyễn Thị Hóa	Thành viên HĐQT	35.904.964	55.398.962
Bà Nguyễn Thị Bích Hương	Thành viên BKS	40.863.301	50.167.336
Ông Trần Ngọc Báu	Thành viên BKS	33.771.301	57.450.576

**9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê đất để xây dựng trụ sở làm việc theo Hợp đồng thuê đất số 48/HĐ-TĐ ngày 29/01/2007 với UBND tỉnh Đắk Lắk tại địa chỉ Phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; diện tích: 2.479 m<sup>2</sup>; thời hạn thuê 50 năm, từ ngày 02/11/1996 đến hết ngày 01/11/2046.

Công ty thuê đất để đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bê tông ly tâm dự ứng lực theo Hợp đồng thuê lại đất số 26/HĐ-TLĐ ngày 10/12/2007, Phụ lục hợp đồng số 01-26/PLHĐ-TLĐ ngày 17/12/2007 và Phụ lục hợp đồng số 02-26/PLHĐ-TLĐ ngày 05/10/2012 với Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Tâm Thắng tại Khu công nghiệp Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 17.150 m<sup>2</sup>; thời hạn thuê 45 năm, từ ngày 30/12/2007 đến ngày 28/10/2052.

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	82.113.325	135.124.288

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 10/07/2023, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua Biên bản họp số 01.07/2023BB/VNECO8-HĐQT thống nhất phương án thực hiện thẩm định giá trị đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk để xem xét việc chuyển nhượng tài sản này nhằm ổn định và phát triển Công ty trong thời gian tới. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện nội dung Biên bản trên.

Ngoài sự kiện trên, không có các sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyễn Công Diệu

Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày 14 tháng 08 năm 2023



Nguyễn Hữu Đăng

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Đăng

Người lập biểu

Số: 435/BC-VNECO8-TCKT  
V/v Giải trình chênh lệch kết quả  
kinh doanh 6 tháng-2023 so với  
cùng kỳ

Buôn Ma Thuột, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8

Mã chứng khoán: VE8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ - Thành phố Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

Điện Thoại: (02623)815336

Fax: (02623)858921

Website: <http://vneco8.com.vn>

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO8 xin được giải trình chênh lệch Kết quả kinh doanh tại báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 có lợi nhuận sau thuế là :

- 2.684.088.344 đồng, trong khi kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 là:
- 3.029.062.642 đồng. Kết quả kinh doanh giảm lỗ so với cùng kỳ.

Nguyên nhân:

- Mặc dù doanh thu 6 tháng đầu năm 2023 đạt thấp hơn nhiều so với cùng kỳ 2022 nhưng lợi nhuận gộp đạt tương đương năm 2022 do có một số hạng mục công trình thi công thuận lợi hơn, tiết giảm được chi phí.

- Do việc khó tiếp cận các nguồn vốn vay dẫn đến thiếu hụt vốn, thời gian qua Công ty chỉ thi công cầm chừng, các khối lượng đã thi công chưa đủ tỷ lệ để thanh toán theo hợp đồng, doanh thu về xây lắp và SXCN trong 6 tháng đầu năm không đáng kể. Trong khi đó các chi phí khác như Chi phí tài chính, chi phí quản lý ... vẫn phải thanh toán.

Tất cả các yếu tố trên làm kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 không có hiệu quả nhưng cũng giảm lỗ so với cùng kỳ cùng kỳ năm 2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TH, TCKT-Đ(3).



**NGUYỄN CÔNG DIỆU**